TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;

2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; vắng mặt.

Cư trú tại: tổ 2, ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn S, sinh năm 1966; vắng mặt.

Cư trú tại: tổ 2, ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2010 ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự

cãi nhau, bà và ông S không còn chung sống từ năm 2018 cho đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 03 con chung tên Trần Hoàng V, sinh ngày 24/8/2002, Trần Hoàng Đ, sinh ngày 20/8/2011, Trần Ngọc Ph, sinh ngày 28/9/2017, cháu V đã trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà yêu cầu được nuôi cháu Đ và cháu Ph, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 8 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Trần Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2001, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông và bà H hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian từ năm 2010 ông bà phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, cự cãi nhau. Bà H bỏ nhà đi từ năm 2018 không còn chung sống với ông. Ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung tên Trần Hoàng V, sinh ngày 24/8/2002, Trần Hoàng Đ, sinh ngày 20/8/2011, Trần Ngọc Ph, sinh ngày 28/9/2017, cháu V đã trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông đồng ý giao cháu Đ và cháu Ph cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn S đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn S là vợ chồng; về con chung: Cháu Trần Hoàng V đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Giao 02 cháu Trần Hoàng Đ và Trần

Ngọc Ph cho bà H nuôi dưỡng, ghi nhận bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Về án phí: bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn S có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông S.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn S có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông S có 03 con chung tên Trần Hoàng V, sinh ngày 24/8/2002, Trần Hoàng Đ, sinh ngày 20/8/2011, Trần Ngọc Ph, sinh ngày 20/9/2017, cháu V đã trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Hoàng Đ, sinh ngày 20/8/2011, Trần Ngọc Ph, sinh ngày 20/9/2017. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông S không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị và ông Trần Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn S có 03 con chung tên Trần Hoàng V, sinh ngày 24/8/2002, Trần Hoàng Đ, sinh ngày 20/8/2011, Trần Ngọc Ph, sinh ngày 20/9/2017, cháu V đã trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Hoàng Đ, sinh ngày 20/8/2011 và Trần Ngọc Ph, sinh ngày 20/9/2017. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông Sáu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn S không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004536 ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKSND huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (P).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương